ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ BA VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 907a/QĐ-UBND	*Ba Vinh, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Sửa chữa tuyến đường ĐT624 - Đi UBND xã Ba Điền *(cũ)*

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 của UBND xã Ba Vinh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Ba Vinh (Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, xã);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Ba Vinh tại Công văn số 58/KT ngày 10/11/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Sửa chữa tuyến đường ĐT624– Đi UBND xã Ba Điền (cũ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Sửa chữa tuyến đường ĐT624– Đi UBND xã Ba Điền *(cũ)*, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa tuyến đường ĐT624– Đi UBND xã Ba Điền *(cũ)*.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án: Dự án nhóm C, Công trình giao thông, cấp IV.

3. Mã định danh: Không có

4. Địa điểm xây dựng: Xã Ba Vinh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Điểm đầu: Giáp với đường tỉnh ĐT.624 tại Km40+540.

- Điểm cuối: Giáp với đường hiện hữu *(thuộc thôn Gò Nghênh, xã Ba Vinh)*.

- Diện tích sử dụng đất: Công trình nằm trên phạm vi tuyến đường cũ đã có nên không chiếm đất mới.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Ba Vinh.

6. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Ba Vinh.

7. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Dũng Khôi; Mã số doanh nghiệp: 4300872217.

8. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư nâng cấp Sửa chữa tuyến đường ĐT.624– Đi UBND xã Ba Điền *(cũ)*, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của học sinh và nhân dân trong khu vực dự án, đồng thời từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn xã Ba Vinh phù hợp với quy hoạch được duyệt.

9. Quy mô xây dựng công trình: Nâng cấp tăng cường lớp kết cấu BTXM trên mặt đường cũ và mở rộng mặt đường với chiều dài L = 218,6 m bao gồm 2 đoạn tuyến; Tuyến số 1: Có chiều dài L = 152,2 m và tuyến số 2: Có chiều dài L = 66,4 m.

- Tổng chiều dài 02 tuyến: L = 218,60 m

- Cấp thiết kế: GTNT loại A đối với tuyến số 1 và loại B đối với tuyến số 2

- Tốc độ thiết kế: Vtk = 20Km/h.

- Tải trọng trục thiết kế P = 6.0 T/trục đối với tuyến số 1 và P = 2.5 T/trục đối với tuyến số 2

Giải pháp thiết kế:

* Bình đồ và hướng tuyến

- Phương án thiết kế tuyến chủ yếu bám theo hướng tuyến cũ, hạn chế tối đa ảnh hưởng vào đất người dân đang sản xuất, sinh sống, nhưng tuyến đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Các điểm khống chế: Điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến. Các cống hiện hữu trên tuyến, công trình thuỷ lợi, nước sinh hoạt, khu dân cư, các công trình hiện hữu còn tận dụng được.

* Trắc dọc tuyến:

Trắc dọc tuyến được thiết kế cơ bản dựa trên các nguyên tắc sau:

- Ưu tiên tận dụng các công trình cũ còn tận dụng được.

- Đường đỏ được thiết kế theo nguyên tắc khối lượng đào đắp nhỏ nhất nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của tuyến nhằm giảm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Đường đỏ bám theo độ dốc dọc đường hiện trạng, nâng cao độ đường đỏ trên mặt đường cũ một lớp kết cấu dày trung bình 16cm và vuốt nối vào mặt đường hiện trạng đang khai thác.

* Mặt cắt ngang và nền đường:

Tuyến số 1:

- Bề rộng nền đường: Bn = 6 m.

- Bề rộng mặt đường: Bm = (3.5m+2 x 1.25) = 6m.

- Độ dốc ngang mặt đường và lề gia cố: Im = 2%

Tuyến số 2:

- Bề rộng nền đường: Bn = 4.0 m.
- Bề rộng mặt đường: Bm = 3,0m
- Bề rộng lề đất: Bl = 2x0,5m = 1,0m.
- Độ dốc ngang mặt đường : Im = 2%
- Độ dốc ngang lề đất: Il = 4%.
- Khi vào đường cong, độ dốc ngang của mặt đường được thiết kế là độ dốc siêu cao ứng với bán kính đường cong nằm và tốc độ thiết kế của đường, độ dốc siêu cao tối đa 5%.

*** Mặt đường:**

a) Đối với mặt đường tăng cường trên mặt đường hiện trạng đã hư hỏng

- Bê tông xi măng M300 đá 1x2 dày 16cm.
- Bù phụ mặt đường hiện hữu bằng BT M300 đá 1x2 *(nếu có)*
- Mặt đường BTXM hiện hữu bong tróc hư hỏng

b) Đối với mặt đường vuốt về đường đang khai thác:

+ Tuyến 1: Đoạn (Km0+134 - Km0+149 và Km0+271.20 - Km0+286.20)

- Lớp bê tông xi măng M300 đá 1x2 dày 18cm.
- Lớp lót tấm nilong tạo phẳng, chống thấm.
- Móng CPĐD hiện hữu đầm chặt K>=98.

+ Tuyến 2: Đoạn (Km0+00 - Km0+1 và Km0+56.40 - Km0+66.40)

- Lớp bê tông xi măng M300 đá 1x2 dày 16cm.
- Lớp lót tấm nilong tạo phẳng, chống thấm.
- Móng CPĐD hiện hữu đầm chặt K>=98.

*** Khe nối:**

+ Khe dọc được thiết kế bố trí giữa tim đường *(đối với tuyến 1)*, Khe không có thanh truyền lực; Khe Co được thiết kế bố trí vuông góc khe dọc, khe cách khoảng 5m/Khe, khe không có thanh truyền lực. Khe Dãn được thiết kế bố trí vuông góc khe dọc, khe cách khoảng 40m/Khe, khe không có thanh truyền lực; Tất cả các khe được cắt bằng máy cắt và rót đầy ma tít.

*** Lề đường:** Lề đường được đắp đất đầm chặt K95

***** Thoát nước ngang: Tận dụng hệ thống thoát nước ngang giai đoạn trước

***** Thoát nước dọc: Không thiết kế.

***** Vuốt nút giao thông: Tại vị trí đầu tuyến 1, nút giao với đường ĐT.624 hiện trạng bị hư hỏng, vì vậy thiết kế hoàng trả lại mặt đường tại nút. Với kết cấu cụ thể như sau.

- Lớp bê tông xi măng M300 đá 1x2 dày 18cm.
- Lớp lót tấm nilong tạo phẳng, chống thấm.
- Lớp cấp phối đá dăm loại B, dày 12cm đầm chặt K≥0,98
- Nền đường đầm chặt K≥0,95.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	**Quy chuẩn và Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát**	
1	Khảo sát cho xây dựng. Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung.	TCXDVN 309:2004
3	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.	TCXDVN 364:2006
4	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình (TL 1/1000-:-1/500).	96 TCN 43:90
5	Tiêu chuẩn cơ sở khảo sát đường ô tô	TCCS 31/2020/TCĐBVN
6	Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác	
II	**Quy chuẩn và Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế, thi công và nghiệm thu**	
1	Quy trình thiết kế đường ô tô	TCVN 4054 - 2005 (tham khảo)
2	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (phần nút giao)	22 TCN 273 - 01
3	Quy chuẩn thiết kế đường GTNT	TCVN 10380-2014
4	Quyết định 932 /QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022 của Bộ GTVT ban hành hướng dẫn một số chỉ tiêu trong tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025	Quyết định 932/QĐ-BGTVT
5	Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng	22 TCN 223-95
6	Thiết kế điển hình cống	86-04X
7	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép- Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574-2012
8	Thép cốt bê tông cán nóng	TCVN 1651-2- 2018
9	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp cấp phối đá dăm	TCVN 8859-2023
10	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2024/BGTV
11	Quy trình thi công công tác đất	TCVN 4447-2012
12	Đất xây dựng. Các phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN4195:2012 đếnTCVN 4202:2012
13	Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22 TCN 355 - 2006

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
14	Thí nghiệm đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 333-06
15	Thí nghiệm xác định CBR cho đất, CPĐD trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332-06
16	Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa	TCVN 7572 : 2006
17	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam liên quan đến xây dựng theo các tiêu chuẩn Việt Nam TCVN hiện hành	

11. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **521.000.000 đồng** *(Năm trăm hai mươi mốt triệu đồng)*; trong đó:

- Chi phí xây dựng:	451.069.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	13.347.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	52.783.000	đồng;
- Chi phí khác:	3.470.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	331.000	đồng.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2026

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện: Theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 của UBND xã Ba Vinh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, đơn vị được giao tổ chức thực hiện có trách nhiệm: Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng các quy định hiện hành, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt, sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng Phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND xã;
- KBNN KV XV- PGD số 21;
- Lưu: VT, PKT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ BA VINH T. QUẢNG NGÃI

Phan Quang Đức